

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CLC-DD	Ñm h̃ c : 2012-2013	q̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067200807 - VEk: thuđt x̃y d̃ ng	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L P SV	H Vê Tạ N	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêiN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030877	36CLC-DD	Nguyễn Thị Th ¹ / ₂ An	13/05/1994				7.3			7.3	2.2	5.2	3.6	5.8	
2	3671030144	36CLC-DD	Tr ên g Hoàng Anh	29/03/1994				5.2			5.2	1.6	4.0	2.8	4.4	
3	3671030787	36CLC-DD	N ¹ ng ậ c B ên g	11/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
4	3671030038	36CLC-DD	Bùi Quang Chi/đ	19/05/1994				6.7			6.7	2.0	4.2	2.9	5.0	
5	3671030093	36CLC-DD	Tr ên g H ^o ng Ch ên g	27/02/1993				8.3			8.3	2.5	7.8	5.5	8.0	
6	3671030954	36CLC-DD	L ^o ậ ³ nh Duy	14/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
7	3671030425	36CLC-DD	Võ Hoài Duy	20/11/1994				7.1			7.1	2.1	5.9	4.1	6.3	
8	3671030358	36CLC-DD	ậ Qu ^í c ậ U	28/04/1994				5.1			5.1	1.5	6.0	4.2	5.7	
9	3671030110	36CLC-DD	H ^o Ti/đ ậ U	10/04/1994				10.0			10.0	3.0	7.9	5.5	8.5	
10	3671030589	36CLC-DD	Nguyễn Kh u ậ U	01/09/1994				7.7			7.7	2.3	7.6	5.3	7.6	
11	3671030831	36CLC-DD	H ^o H u i	28/01/1994				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
12	3671030351	36CLC-DD	Lê Minh H u i	24/11/1993				8.1			8.1	2.4	5.4	3.8	6.2	
13	3671030557	36CLC-DD	Nguyễn V u ên Hi/đ	25/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
14	3671030134	36CLC-DD	Ph u ên L ^o Trung Hi/đ	06/09/1993				9.0			9.0	2.7	6.7	4.7	7.4	
15	3671030878	36CLC-DD	Phan H ^o u Hi ^í p	30/10/1994				4.6			4.6	1.4	5.3	3.7	5.1	
16	3671030701	36CLC-DD	V u » V u ên Hùng	20/03/1993				9.2			9.2	2.8	7.1	5.0	7.7	
17	3671030252	36CLC-DD	V u ên Minh H u ng	22/04/1993				8.5			8.5	2.6	6.2	4.3	6.9	
18	3671030451	36CLC-DD	Nguyễn Trung Kiên	14/03/1993				9.4			9.4	2.8	8.2	5.7	8.6	
19	3671030074	36CLC-DD	Nguyễn Xu ân K ^í t	11/04/1994				8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	

BẢNG ĐIỂM HỌC CẤP HỌC - MÔN THIÊN - MÔN THIÊN

Khóa học : Lớp học : 36CLC-DD Năm học : 2012-2013 Số VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

Họ tên : Mã số : 122067200807 - Mã số học : HK02

STT	Mã số	Lớp SV	Họ và Tên	NGÀY SINH	Điểm THIÊN						TBC	QUY TS: 30.00%	Điểm THI	QUY TS : 70.00%	Điểm TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030100	36CLC-DD	Nguyễn Minh Kha	06/10/1994				7.2			7.2	2.2	4.3	3.0	5.2	
21	3671031482	36CLC-DD	Nguyễn Lê Minh Khánh	11/05/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	CT
22	3671030345	36CLC-DD	Nguyễn Quỳnh Khôi	10/08/1993				6.0			6.0	1.8	4.2	2.9	4.7	
23	3671030558	36CLC-DD	Nguyễn Huệ Lành	02/04/1992				10.0			10.0	3.0	8.9	6.2	9.2	
24	3671030629	36CLC-DD	Lê Phú Lập	23/05/1994				7.3			7.3	2.2	4.6	3.2	5.4	
25	3671030105	36CLC-DD	Nguyễn Hoàng Long	22/12/1994				8.2			8.2	2.5	4.9	3.4	5.9	
26	3671030214	36CLC-DD	Nguyễn Xuân Lê	12/11/1994				8.5			8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
27	3671030523	36CLC-DD	Nguyễn Ngọc Minh	01/06/1993				6.6			6.6	2.0	5.3	3.7	5.7	
28	3671030851	36CLC-DD	Nguyễn Trần Ngọc Minh	02/03/1994				9.3			9.3	2.8	7.1	5.0	7.8	
29	3671030462	36CLC-DD	Trần Hoàng Nhật Minh	01/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HPCT
30	3671030390	36CLC-DD	Vũ Văn Minh	02/10/1993				7.9			7.9	2.4	6.0	4.2	6.6	
31	3671030108	36CLC-DD	Huỳnh Chí My	15/10/1994				8.5			8.5	2.6	4.2	2.9	5.5	
32	3671030880	36CLC-DD	Đặng Tiến Nam	26/08/1993				9.3			9.3	2.8	7.4	5.2	8.0	
33	3671031233	36CLC-DD	Nguyễn Hữu Nam	02/10/1994				6.3			6.3	1.9	4.4	3.1	5.0	
34	3671030234	36CLC-DD	Vũ Hữu Nguyễn	26/04/1994				8.3			8.3	2.5	6.8	4.8	7.3	
35	3671030606	36CLC-DD	Nguyễn Quốc Phong	19/03/1993				2.1			2.1	0.6	5.0	3.5	4.1	
36	3671030725	36CLC-DD	Nguyễn Hoàng Phúc	16/01/1993				6.0			6.0	1.8	6.1	4.3	6.1	
37	3671030057	36CLC-DD	Lê Thanh Phụng	11/03/1994				8.7			8.7	2.6	8.3	5.8	8.4	
38	3671030500	36CLC-DD	Lưu Nguyễn Anh Quang	24/07/1994				7.1			7.1	2.1	4.6	3.2	5.4	

Kh·a ḥ c :	Ḷ p ḥ c : 36CLC-DD	Ṇm ḥ c : 2012-2013	ṇ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
Ḥ nT :	Ḥ c phFn : 122067200807 - VEk: thuđt x̣y ḍ ng	Ḥ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L_ P SV	H_ Vê Tậ N	NGÀY SINH	_ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	_ IqM THI	QUY TS : 70.00%	_ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030065	36CLC-DD	Nguy_ n Duy Quý	28/09/1994				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
40	3671030341	36CLC-DD	V» Ng_ c Sang	04/10/1994				8.8			8.8	2.6	6.0	4.2	6.8	
41	3671030177	36CLC-DD	Tr_ ng V_ n Song	16/02/1994				6.8			6.8	2.0	5.8	4.1	6.1	
42	3671031151	36CLC-DD	Tr_ h Nam S_ n	22/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N_ HP
43	3671030311	36CLC-DD	Lý Xuân S´	10/06/1994				4.6			4.6	1.4	4.9	3.4	4.8	
44	3671030834	36CLC-DD	Nguy_ n Th_ nh Tâm	03/01/1994				8.5			8.5	2.6	4.1	2.9	5.4	
45	3671030733	36CLC-DD	Nguy_ n Thi_ n Tâm	10/09/1994				3.9			3.9	1.2	4.9	3.4	4.6	
46	3671030514	36CLC-DD	H_ _ c Ti_ h	20/10/1994				5.7			5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	
47	3671031136	36CLC-DD	Nguy_ n _ c Ti_ h	12/06/1993				7.0			7.0	2.1	6.9	4.8	6.9	
48	3671030524	36CLC-DD	B_ i Nguy_ n T_ nh	15/02/1993				8.6			8.6	2.6	5.1	3.6	6.2	
49	3671030859	36CLC-DD	L_ H_ u To_ n	12/10/1994				8.4			8.4	2.5	4.7	3.3	5.8	
50	3671030474	36CLC-DD	Lê Anh Tu_ h	12/09/1993				7.0			7.0	2.1	4.2	2.9	5.0	
51	3671030192	36CLC-DD	Tr_ h H_ u Th_ o	10/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
52	3671030025	36CLC-DD	Nguy_ n V_ n Thi_ n	01/02/1994				7.8			7.8	2.3	6.4	4.5	6.8	
53	3671030183	36CLC-DD	Mai Minh Thu_ n	15/07/1994				7.8			7.8	2.3	5.1	3.6	5.9	
54	3671030556	36CLC-DD	Ph_ m Cao Tr_ i	06/10/1994				5.8			5.8	1.7	4.2	2.9	4.7	
55	3671030938	36CLC-DD	_ B_ Trung	05/07/1993				8.1			8.1	2.4	7.2	5.0	7.5	
56	3671030650	36CLC-DD	Lê Quang Trung	12/03/1994				5.8			5.8	1.7	6.0	4.2	5.9	
57	3671030742	36CLC-DD	Nguy_ n Th_ nh Trung	21/03/1994				2.0			2.0	0.6	5.3	3.7	4.3	

Khả năng : Lp h c : 36CLC-DD **Năm h c :** 2012-2013 **qVHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H nT : **H c phFn :** 122067200807 - VEk: thu đ x@ đ ng **H c k8 :** HK02

STT	Mã S'	L, P SV	H' Vê TqN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3671031564	36CLC-DD	TrFh Nhđ TrỄ ng	06/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
59	3671031534	36CLC-DD	TrFh Thanh TrỄ ng	03/04/1994				8.7			8.7	2.6	6.7	4.7	7.3	
60	3671030515	36CLC-DD	η Hg Th/J Vinh	11/03/1994				4.8			4.8	1.4	3.1	2.2	3.6	
61	3671030260	36CLC-DD	Lê Anh Vq	14/07/1994				7.0			7.0	2.1	6.7	4.7	6.8	
62	3671030206	36CLC-DD	L'ng Tu' VỈ	26/11/1994				8.8			8.8	2.6	5.4	3.8	6.4	

Tr ợng s ố : 62 h ệ c sinh sinh vi ệ n

Tp.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi°n B, M¹ n

Giáo V... Khoa